

4. Doanh nghiệp dùng tiền mặt mua một số công cụ – dụng cụ là 2.000.000 đồng.

**Yêu cầu :**

Hãy lập bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp theo số liệu trên. Hãy lập bảng cân đối tài sản sau mỗi nghiệp vụ kinh tế phát sinh và cho nhận xét về tính cân đối của nó.

**Lời giải đề nghị :**

TÀI SẢN		NỢ PHẢI TRẢ và VỐN CHỦ SỞ HỮU	
Tiền mặt	15.000	Vay ngắn hạn ngân hàng	300.000
Tiền gửi ngân hàng	25.000	Nợ người bán	50.000
Người mua nợ	25.000	Nguồn vốn kinh doanh	500.000
Nguyên vật liệu	75.000	Lãi chưa phân phối	20.000
Công cụ dụng cụ	5.000	Quỹ khen thưởng phúc lợi	30.000
Thành phẩm	25.000		
Hàng gửi đi bán	20.000		
Máy móc thiết bị	410.000		
Phương tiện vận tải	300.000		
<b>Tổng Tài sản</b>	<b>900.000</b>	<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>900.000</b>

*Trường hợp :* Doanh nghiệp mua một số nguyên vật liệu chưa trả tiền người bán 10.000.000 đồng.

TÀI SẢN		NỢ PHẢI TRẢ và VỐN CHỦ SỞ HỮU	
Tiền mặt	15.000	Vay ngắn hạn ngân hàng	300.000
Tiền gửi ngân hàng	25.000	Nợ người bán	50.000

TÀI SẢN		NỢ PHẢI TRẢ và VỐN CHỦ SỞ HỮU	
			60.000
Người mua nợ	25.000	Nguồn vốn kinh doanh	500.000
Nguyên vật liệu	<del>75.000</del>	Lãi chưa phân phối	20.000
	85.000		
Công cụ dụng cụ	5.000	Quỹ khen thưởng phúc lợi	30.000
Thành phẩm	25.000		
Hàng gửi đi bán	20.000		
Máy móc thiết bị	410.000		
Phương tiện vận tải	300.000		
<b>Tổng Tài sản</b>	<b>910.000</b>	<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>910.000</b>

*Nhận xét* : Tài sản tăng, nguồn vốn tăng. Thay đổi hai bên của bảng cân đối kế toán làm tổng tài sản doanh nghiệp gia tăng.

*Trường hợp* : Doanh nghiệp dùng lãi chưa phân phối bổ sung nguồn vốn kinh doanh 20.000.000 đồng.

TÀI SẢN		NỢ PHẢI TRẢ và VỐN CHỦ SỞ HỮU	
Tiền mặt	15.000	Vay ngắn hạn ngân hàng	300.000
Tiền gửi ngân hàng	25.000	Nợ người bán	60.000
Người mua nợ	25.000	Nguồn vốn kinh doanh	<del>500.000</del>
			520.000
Nguyên vật liệu	85.000	Lãi chưa phân phối	<del>20.000</del>
Công cụ dụng cụ	5.000	Quỹ khen thưởng phúc lợi	30.000
Thành phẩm	25.000		

TÀI SẢN		NỢ PHẢI TRẢ và VỐN CHỦ SỞ HỮU	
Hàng gửi đi bán	20.000		
Máy móc thiết bị	410.000		
Phương tiện vận tải	300.000		
<b>Tổng Tài sản</b>	<b>910.000</b>	<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>910.000</b>

*Nhận xét* : Nguồn vốn giảm, nguồn vốn tăng. Thay đổi bên nguồn vốn của bảng cân đối kế toán làm tổng tài sản doanh nghiệp không đổi.

*Trường hợp* : Người mua trả nợ 20.000.000 đồng và doanh nghiệp dùng tiền đó trả luôn nợ vay ngắn hạn.

TÀI SẢN		NỢ PHẢI TRẢ và VỐN CHỦ SỞ HỮU	
Tiền mặt	15.000	Vay ngắn hạn ngân hàng	<del>300.000</del>
Tiền gửi ngân hàng	25.000		280.000
Người mua nợ	<del>25.000</del>	Nợ người bán	60.000
	5.000	Nguồn vốn kinh doanh	520.000
Nguyên vật liệu	85.000	Lãi chưa phân phối	0
Công cụ dụng cụ	5.000	Quỹ khen thưởng phúc lợi	30.000
Thành phẩm	25.000		
Hàng gửi đi bán	20.000		
Máy móc thiết bị	410.000		
Phương tiện vận tải	300.000		
<b>Tổng Tài sản</b>	<b>890.000</b>	<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>890.000</b>

*Nhận xét* : Nguồn vốn giảm, tài sản giảm. Thay đổi hai bên của bảng cân đối kế toán làm tổng tài sản doanh nghiệp giảm xuống.

*Trường hợp* : Doanh nghiệp dùng tiền mặt mua một số công cụ – dụng cụ là 2.000.000 đồng.

TÀI SẢN		NỢ PHẢI TRẢ và VỐN CHỦ SỞ HỮU	
Tiền mặt	15.000	Vay ngắn hạn ngân hàng	280.000
	13.000		
Tiền gửi ngân hàng	25.000	Nợ người bán	60.000
Người mua nợ	5.000	Nguồn vốn kinh doanh	520.000
Nguyên vật liệu	85.000	Lãi chưa phân phối	0
Công cụ dụng cụ	5.000	Quỹ khen thưởng phúc lợi	30.000
	7.000		
Thành phẩm	25.000		
Hàng gửi đi bán	20.000		
Máy móc thiết bị	410.000		
Phương tiện vận tải	300.000		
<b>Tổng Tài sản</b>	<b>890.000</b>	<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>890.000</b>

*Nhận xét* : Tài sản tăng, tài sản giảm. Thay đổi một bên tài sản của bảng cân đối kế toán làm tổng tài sản doanh nghiệp không đổi.

## 2.3 BÀI TẬP TỰ GIẢI

### 2.3.1 Bài tập số 01

Giả sử có các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến hướng biến động của các đối tượng kế toán được cho như sau :

1. Nghiệp vụ kinh tế phát sinh tác động đến 2 đối tượng kế toán theo hướng 1 nguồn vốn tăng đối ứng với một nguồn vốn khác giảm.

2. Nghiệp vụ kinh tế phát sinh tác động đến 2 đối tượng kế toán theo hướng tài sản giảm đối ứng với nguồn vốn giảm.
3. Nghiệp vụ kinh tế phát sinh tác động đến 2 đối tượng kế toán theo hướng 1 tài sản tăng đối ứng với 1 nguồn vốn tăng.
4. Nghiệp vụ kinh tế phát sinh tác động đến 2 đối tượng kế toán theo hướng 1 tài sản giảm đối ứng với một tài sản khác cũng giảm.
5. Nghiệp vụ kinh tế phát sinh tác động đến 2 đối tượng kế toán theo hướng tài sản tăng đối ứng với nguồn vốn tăng.
6. Nghiệp vụ kinh tế phát sinh tác động đến 3 đối tượng kế toán theo hướng 2 tài sản tăng đối ứng 1 tài sản giảm.
7. Nghiệp vụ kinh tế phát sinh tác động đến 3 đối tượng kế toán theo hướng 2 nguồn vốn tăng đối ứng với 1 nguồn vốn giảm.
8. Nghiệp vụ kinh tế phát sinh tác động đến 3 đối tượng kế toán theo hướng 1 tài sản giảm đối ứng với 2 nguồn vốn giảm.
9. Nghiệp vụ kinh tế phát sinh tác động đến 3 đối tượng kế toán theo hướng 1 tài sản tăng đối ứng 2 nguồn vốn tăng.
10. Nghiệp vụ kinh tế phát sinh tác động đến 3 đối tượng kế toán theo hướng 2 nguồn vốn giảm đối ứng với 1 nguồn vốn tăng.
11. Nghiệp vụ kinh tế phát sinh tác động đến 3 đối tượng kế toán theo hướng 2 tài sản giảm đối ứng 1 nguồn vốn giảm.
12. Nghiệp vụ kinh tế phát sinh tác động đến 3 đối tượng kế toán theo hướng 2 tài sản tăng đối ứng 1 nguồn vốn tăng.

***Yêu cầu :***

Anh chị hãy cho các ví dụ về nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo các tình huống trên.

**2.3.2 Bài tập số 02**

Một công ty được thành lập với số vốn ban đầu như sau :

1. Tài sản cố định hữu hình do cổ đông góp là 500.000.000 đồng.
2. Tiền do cổ đông góp chuyển vào tài khoản tiền gửi ngân hàng của doanh nghiệp là 200.000.000 đồng.
3. Nguyên vật liệu do cổ đông góp là 300.000.000 đồng.

***Yêu cầu :***

Hãy lập bảng cân đối kế toán của công ty.

**2.3.3 Bài tập số 03**

Giả sử có các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến hướng biến động của các đối tượng kế toán được cho như sau :

1. Nghiệp vụ kinh tế phát sinh tác động đến hai đối tượng kế toán theo hướng một tài sản tăng đối ứng với một tài sản giảm.
2. Nghiệp vụ kinh tế phát sinh tác động đến hai đối tượng kế toán theo hướng một tài sản tăng đối ứng với một tài sản khác cũng tăng.
3. Nghiệp vụ kinh tế phát sinh tác động đến hai đối tượng kế toán theo hướng một nguồn vốn tăng đối ứng với một nguồn vốn khác cũng tăng.
4. Nghiệp vụ kinh tế phát sinh tác động đến hai đối tượng kế toán theo hướng một tài sản tăng đối ứng với một nguồn vốn giảm.
5. Nghiệp vụ kinh tế phát sinh tác động đến hai đối tượng kế toán theo hướng một tài sản giảm đối ứng với một nguồn vốn giảm.
6. Nghiệp vụ kinh tế phát sinh tác động đến hai đối tượng kế toán theo hướng một nguồn vốn tăng đối ứng với một nguồn vốn giảm.



7. Nghiệp vụ kinh tế phát sinh tác động đến hai đối tượng kế toán theo hướng tài sản tăng đối ứng với nguồn vốn tăng.
8. Nghiệp vụ kinh tế phát sinh tác động đến hai đối tượng kế toán theo hướng một tài sản giảm đối ứng với một tài sản khác cũng giảm.
9. Nghiệp vụ kinh tế phát sinh tác động đến hai đối tượng kế toán theo hướng tài sản giảm đối ứng với nguồn vốn tăng.
10. Nghiệp vụ kinh tế phát sinh tác động đến hai đối tượng kế toán theo hướng một nguồn vốn giảm đối ứng với một nguồn vốn khác cũng giảm.
11. Nghiệp vụ kinh tế phát sinh tác động đến ba đối tượng kế toán theo hướng một tài sản tăng đối ứng với hai tài sản khác cũng tăng.
12. Nghiệp vụ kinh tế phát sinh tác động đến ba đối tượng kế toán theo hướng một nguồn vốn tăng đối ứng với hai nguồn vốn khác cũng tăng.
13. Nghiệp vụ kinh tế phát sinh tác động đến ba đối tượng kế toán theo hướng một tài sản tăng đối ứng với hai nguồn vốn giảm.
14. Nghiệp vụ kinh tế phát sinh tác động đến ba đối tượng kế toán theo hướng một tài sản giảm đối ứng với hai nguồn vốn giảm.
15. Nghiệp vụ kinh tế phát sinh tác động đến ba đối tượng kế toán theo hướng một nguồn vốn tăng đối ứng với hai nguồn vốn giảm.

**Yêu cầu :**

Anh chị hãy cho các ví dụ về nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo các tình huống trên.

**2.3.4 Bài tập số 04**

Một doanh nghiệp được thành lập với số vốn ban đầu như sau :

1. Tài sản cố định hữu hình do cổ đông góp là 800.000.000 đồng.
2. Tiền do cổ đông góp đã chuyển vào tài khoản tiền gửi ngân hàng của doanh nghiệp là 500.000.000 đồng.

**Yêu cầu :**

Hãy lập bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp.

**2.3.5 Bài tập số 05**

Sử dụng bảng cân đối kế toán của bài tập số 03, trong kỳ có các nghiệp vụ kinh tế sau phát sinh :

1. Doanh nghiệp rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt 50.000.000 đồng.
2. Doanh nghiệp dùng tiền gửi ngân hàng mua nguyên vật liệu trị giá 100.000.000 đồng.
3. Doanh nghiệp mua công cụ dụng cụ trị giá 10.000.000 đồng chưa trả tiền người bán.
4. Doanh nghiệp tạm ứng cho nhân viên trong doanh nghiệp 10.000.000 đồng để mua vật tư nguyên liệu.
5. Doanh nghiệp vay ngắn hạn ngân hàng đầu tư thêm tài sản cố định trị giá 100.000.000 đồng.

**Yêu cầu :**

Hãy lập bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp sau khi có các nghiệp vụ kinh tế trên phát sinh.



### 2.3.6 Bài tập số 06

Tình hình tài sản của một doanh nghiệp tính đến ngày 31/12/2007 như sau : (Đơn vị tính : đồng).

1. Nợ người bán	20.000.000
2. Người mua nợ	25.000.000
3. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	30.000.000
4. Lãi chưa phân phối	20.000.000
5. Nguồn vốn kinh doanh	150.000.000
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	10.000.000
7. Vay ngắn hạn ngân hàng	30.000.000
8. Tài sản cố định hữu hình	110.000.000
9. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20.000.000
10. Nguyên vật liệu	25.000.000
11. Công cụ, dụng cụ	5.000.000
12. Quỹ dự phòng phải trả	10.000.000
13. Thành phẩm	25.000.000
14. Tiền mặt	15.000.000
15. Tiền gửi ngân hàng	25.000.000

**Yêu cầu :** Hãy :

1. Cho biết tổng tài sản ngắn hạn, tổng tài sản dài hạn.
2. Cho biết tổng nợ phải trả.
3. Cho biết tổng giá trị hàng tồn kho.
4. Cho biết tổng vốn bằng tiền và các khoản ứng trước.

**2.3.7 Bài tập số 07**

Tình hình tài sản của một doanh nghiệp tính đến ngày 31/12/2008 như sau : (Đơn vị tính : đồng).

1. Nguồn vốn kinh doanh	150.000.000
2. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	5.000.000
3. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	10.000.000
4. Vay ngắn hạn ngân hàng	30.000.000
5. Tài sản cố định hữu hình	110.000.000
6. Tiền mặt	15.000.000
7. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20.000.000
8. Tiền gửi ngân hàng	25.000.000
9. Nợ người bán	20.000.000
10. Người mua nợ	25.000.000
11. Lãi chưa phân phối	20.000.000
12. Nguyên vật liệu	25.000.000
13. Công cụ, dụng cụ	5.000.000
14. Thành phẩm	25.000.000
15. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	15.000.000

***Yêu cầu :***

Hãy lập bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp theo số liệu trên.

**2.3.8 Bài tập số 08**

Tình hình tài sản của một doanh nghiệp sản xuất và thương mại Đức Phát tính đến ngày 31/12/2007 như sau : (Đơn vị tính : đồng).

1. Tiền mặt	15.000.000
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20.000.000
3. Tiền gửi ngân hàng	25.000.000
4. Nợ người bán	20.000.000
5. Nguồn vốn kinh doanh	150.000.000
6. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	5.000.000
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	10.000.000
8. Vay ngắn hạn ngân hàng	30.000.000
9. Nguyên vật liệu	25.000.000
10. Công cụ, dụng cụ	5.000.000
11. Thành phẩm	25.000.000
12. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	15.000.000
13. Tài sản cố định hữu hình	110.000.000
14. Người mua nợ	25.000.000
15. Lãi chưa phân phối	20.000.000

Trong tháng 01/2008 có các nghiệp vụ sau phát sinh :

1. Doanh nghiệp mua một số nguyên vật liệu chưa trả tiền người bán 50.000.000 triệu đồng.
2. Doanh nghiệp dùng lãi chưa phân phối bổ sung nguồn vốn kinh doanh 10.000.000 đồng.
3. Người mua trả nợ 20.000.000 đồng và doanh nghiệp dùng tiền đó trả luôn nợ vay ngắn hạn.
4. Doanh nghiệp nhập kho một số công cụ – dụng cụ trị giá 2.000.000 đồng.

***Yêu cầu :***

Hãy lập bảng cân đối kế toán đầu kỳ, bảng cân đối kế toán sau mỗi nghiệp vụ kinh tế phát sinh và cho nhận xét về tính cân đối của nó.

**2.3.9 Bài tập số 09**

Tình hình tài sản của công ty TNHH Thiên Ân tính đến ngày 31/10/2007 như sau (Đơn vị tính : đồng) :

1. Nguyên vật liệu	130.000.000
2. Phải trả công nhân viên	112.000.000
3. Tiền mặt	150.000.000
4. Tiền gửi ngân hàng	240.000.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20.000.000
6. Đầu tư vào công ty con	200.000.000
7. Phải trả người bán X	66.000.000
8. TSCĐ hữu hình	1.150.000.000
9. TSCĐ vô hình	1.120.000.000
10. Vay ngắn hạn	120.000.000
11. Nguồn vốn kinh doanh	3.400.000.000
12. Phải thu khách hàng Y	116.000.000
13. Quỹ đầu tư phát triển	18.000.000
14. Đầu tư vào công ty liên kết	100.000.000
15. Thành phẩm	64.000.000
16. Ký quỹ, ký cược dài hạn	50.000.000
17. Hàng hóa	122.000.000

18. Quỹ trợ cấp mất việc làm	10.000.000
19. Tạm ứng	4.000.000
20. Vay dài hạn	200.000.000
21. Lợi nhuận chưa phân phối	74.000.000
22. Đầu tư dài hạn khác	194.000.000
23. Quỹ dự phòng phải trả	10.000.000
24. Các khoản phải nộp Nhà nước	50.000.000
25. Công cụ dụng cụ	14.000.000
26. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	40.000.000
27. Ứng trước cho người bán Z	36.000.000
28. Khách hàng M ứng trước tiền hàng	50.000.000

***Yêu cầu :***

Hãy phân loại tài sản, nguồn vốn; lập bảng cân đối kế toán ngày 31/10/2007.

Lập bảng cân đối kế toán mới ngày 30/11/2007 sau khi có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh (Đơn vị tính : đồng) :

1. Khách hàng Y thanh toán tiền hàng bằng tiền mặt : 50.000.000 đồng.
2. Mua nguyên vật liệu nhập kho chưa thanh toán tiền cho nhà cung cấp Z là 70.000.000 đồng.
3. Dùng lợi nhuận chưa phân phối bổ sung quỹ đầu tư phát triển : 40.000.000 đồng.
4. Vay dài hạn ngân hàng mua tài sản cố định hữu hình : 270.000.000 đồng.
5. Thanh toán tiền hàng cho nhà cung cấp X bằng tiền gửi ngân hàng : 40.000.000 đồng.

6. Nhập kho hàng hóa thanh toán bằng tiền mặt là 56.000.000 đồng.
7. Thanh toán khoản vay ngắn hạn bằng tiền gửi ngân hàng 60.000.000 đồng.
8. Mua một tài sản cố định giá mua 200.000.000 đồng, chưa thanh toán cho người bán. Người bán lắp đặt, chạy thử và bàn giao cho doanh nghiệp khi đưa tài sản cố định vào sử dụng.
9. Nhập kho nguyên vật liệu chưa thanh toán tiền cho người bán trị giá 100.000.000 đồng.
10. Chi tiền mặt thanh toán lương cho công nhân viên : 72.000.000 đồng.

### **2.3.10 Bài tập số 10**

Tình hình tài sản của công ty TNHH sản xuất và thương mại Kinh Đô tính đến ngày 1/3/2007 như sau (Đơn vị tính : đồng) :

1. Nguyên vật liệu	130.000.000
2. Phải trả công nhân viên	112.000.000
3. Tiền mặt	150.000.000
4. Tiền gửi ngân hàng	240.000.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20.000.000
6. Đầu tư vào công ty con	200.000.000
7. Phải trả người bán	66.000.000
8. TSCĐ hữu hình	1.150.000.000
9. TSCĐ vô hình	1.120.000.000
10. Vay ngắn hạn	120.000.000
11. Nguồn vốn kinh doanh	X



12. Phải thu khách hàng	116.000.000
13. Quỹ đầu tư phát triển	18.000.000
14. Đầu tư vào công ty liên kết	100.000.000
15. Thành phẩm	64.000.000
16. Ký quỹ, ký cược dài hạn	50.000.000
17. Hàng hóa	122.000.000
18. Quỹ trợ cấp mất việc làm	10.000.000
19. Tạm ứng	4.000.000
20. Vay dài hạn	200.000.000
21. Lợi nhuận chưa phân phối	74.000.000
22. Đầu tư dài hạn khác	194.000.000
23. Quỹ dự phòng phải trả	10.000.000
24. Các khoản phải nộp Nhà nước	50.000.000
25. Công cụ dụng cụ	14.000.000
26. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	40.000.000
27. Ứng trước cho người bán	36.000.000
28. Khách hàng ứng trước tiền hàng	50.000.000

***Yêu cầu :***

1. Dựa vào kết quả bảng cân đối kế toán để tìm X ? Lập bảng cân đối kế toán 31/3/2007.
2. Lập bảng cân đối kế toán vào ngày 30/4/2007 sau khi có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh (Đơn vị tính : đồng) :
  - a. Mua hàng hóa nhập kho chưa thanh toán tiền cho nhà cung cấp là 20.000.000 đồng.

- b. Cổ đông góp một tài sản cố định hữu hình trị giá 30.000.000 đồng.
- c. Chi tiền mặt trả nợ người bán là 20.000.000 đồng.
- d. Nộp thuế cho Nhà nước bằng tiền gửi ngân hàng 15.000.000 đồng.
- e. Dùng lợi nhuận chưa phân phối bổ sung vốn kinh doanh cho doanh nghiệp 5.000.000 đồng.
- f. Khách hàng thanh toán tiền hàng bằng tiền mặt 10.000.000 đồng.
- g. Chi tiền mặt tạm ứng cho nhân viên đi công tác 2.000.000 đồng.
- h. Thanh toán nợ vay ngắn hạn bằng tiền gửi ngân hàng là 10.000.000 đồng.
- i. Nộp tiền mặt vào ngân hàng trị giá 15.000.000 đồng.
- j. Chi tiền mặt thanh toán nợ phải trả người lao động 50.000.000 đồng.

### **2.3.11 Bài tập số 11**

Giả sử công ty TNHH sản xuất, kinh doanh thương mại Hoàng Mai có các tài liệu như sau : (Đơn vị tính : đồng).

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ : 560.000.000 đồng.
2. Khoản giảm giá cho số sản phẩm đã bán : 10.000.000 đồng.
3. Hàng bán bị trả lại : 5.000.000 đồng.
4. Giá xuất kho của hàng đã tiêu thụ : 300.000.000 đồng.
5. Chi phí bán hàng : 32.000.000 đồng, chi phí quản lý doanh nghiệp : 28.000.000 đồng.

6. Thuế xuất khẩu : 16.000.000 đồng.
7. Doanh thu hoạt động tài chính : 28.000.000 đồng, thu nhập khác : 16.000.000 đồng.
8. Chi phí tài chính là 24.000.000 đồng, chi phí khác là 16.000.000 đồng.
9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp 10.000.000 đồng.
10. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất 28%.

**Yêu cầu :**

Hãy lập bảng "Kết quả hoạt động kinh doanh".

### 2.3.12 Bài tập số 12

Tại công ty TNHH sản xuất thương mại Kiến Tường, có tình hình tài sản và nguồn vốn tại thời điểm 31/12/2008 như sau (đơn vị tính : đồng) :

1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	40.000.000
2. Xây dựng cơ bản dở dang	200.000.000
3. Thành phẩm	140.000.000
4. Sản phẩm dở dang	100.000.000
5. Tiền mặt	x
6. Đầu tư chứng khoán dài hạn	500.000.000
7. Công cụ, dụng cụ	80.000.000
8. Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	100.000.000
9. Phải trả người bán	10.000.000
10. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	60.000.000
11. Tạm ứng	300.000.000

12. Nguyên vật liệu	60.000.000
13. Tài sản cố định hữu hình	240.000.000
14. Hàng hóa	120.000.000
15. Tài sản cố định vô hình	40.000.000
16. Quỹ dự phòng phải trả	20.000.000
17. Vay ngắn hạn	180.000.000
18. Quỹ khen thưởng phúc lợi	60.000.000
19. Lãi chưa phân phối	640.000.000
20. Phải trả phải nộp Nhà nước	30.000.000
21. Vay dài hạn	700.000.000
22. Nguồn vốn kinh doanh	1.350.000.000
23. Quỹ dự phòng tài chính	30.000.000
24. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	700.000.000
25. Tiền gửi ngân hàng	50.000.000

***Yêu cầu :***

1. Tính giá trị tiền mặt hiện có tại doanh nghiệp.
2. Phân loại Tài sản và Nguồn vốn tại doanh nghiệp.
3. Lập bảng cân đối kế toán doanh nghiệp tại thời điểm trên.

**2.3.13 Bài tập số 13**

Giả sử bạn dự định tiến hành thành lập một công ty TNHH Vạn Thành với các dữ liệu sau (Đơn vị tính : đồng) :

1. Tiến hành mua trả tiền ngay quyền sử dụng đất trị giá 1.800.000.000 đồng, bằng chuyển khoản.

2. Các khoản chi liên quan đến việc xây dựng trụ sở, nhà kho, phân xưởng,... trị giá 1.500.000.000 đồng, thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng 20%, phần còn lại chưa thanh toán.
3. Giá trị hàng tồn kho cần dự trữ ban đầu là 350.000.000 đồng, trong đó theo thỏa thuận với nhà cung cấp, đơn vị có thể nợ lại 50% trong vòng 1 năm.
4. Tiến hành mua xe chở hàng trị giá 600.000.000 đồng, trả chậm trong vòng 5 năm, số tiền phải thanh toán ngay khi mua là 100.000.000 đồng.
5. Doanh nghiệp mua một chiếc xe phục vụ cho quản lý, trị giá 600.000.000 đồng, thanh toán ngay bằng chuyển khoản 50%, và một tháng sau thanh toán tiếp 50%.
6. Đơn vị có thể thế chấp quyền sử dụng đất để vay dài hạn ngân hàng, theo đánh giá đơn vị được quyền vay tối đa 70% giá trị quyền sử dụng đất hiện có.
7. Theo dự tính, đơn vị cần có một lượng vốn bằng tiền để chi trả các khoản chi phát sinh trong thời gian doanh nghiệp thành lập và mới đi vào hoạt động là 250.000.000 đồng.
8. Doanh nghiệp cần một khoản tiền 100.000.000 đồng chuyển khoản đặt hàng cho khách hàng.

### ***Yêu cầu :***

1. Anh chị hãy xác định số vốn phải bỏ ra ban đầu để thành lập doanh nghiệp trên.
2. Lập bảng cân đối kế toán tại thời điểm thành lập doanh nghiệp.

### **2.3.14 Bài tập số 14**

Tại công ty sản xuất kinh doanh thương mại Tâm Châu, có tình hình tài sản và nguồn vốn tại thời điểm 31/11/2007 như sau :

---

1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	40.000.000
2. Xây dựng cơ bản dở dang	200.000.000
3. Thành phẩm	140.000.000
4. Sản phẩm dở dang	100.000.000
5. Tiền mặt	x
6. Đầu tư chứng khoán dài hạn	500.000.000
7. Công cụ, dụng cụ	80.000.000
8. Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	100.000.000
9. Phải trả người bán	10.000.000
10. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	60.000.000
11. Tạm ứng	300.000.000
12. Nguyên vật liệu	60.000.000
13. Tài sản cố định hữu hình	240.000.000
14. Hàng hóa	120.000.000
15. Tài sản cố định vô hình	40.000.000
16. Quỹ dự phòng phải trả	20.000.000
17. Vay ngắn hạn	180.000.000
18. Quỹ khen thưởng phúc lợi	60.000.000
19. Lãi chưa phân phối	640.000.000
20. Phải trả phải nộp Nhà nước	30.000.000
21. Vay dài hạn	700.000.000
22. Nguồn vốn kinh doanh	1.350.000.000
23. Quỹ dự phòng tài chính	30.000.000



24. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	700.000.000
25. Tiền gửi ngân hàng	50.000.000

Trong tháng 12/2007, có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh :

1. Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt 20.000.000 đồng.
2. Mua hàng hóa nhập kho chưa thanh toán tiền người bán là 300.000.000 đồng, thời hạn thanh toán trong vòng 3 tháng.
3. Dùng lãi chưa phân phối bổ sung quỹ khen thưởng phúc lợi 130.000.000 đồng.
4. Dùng quỹ nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản bổ sung nguồn vốn kinh doanh 300.000.000 đồng.
5. Thu hồi tiền tạm ứng bằng tiền mặt và nộp thẳng vào tài khoản tiền gửi ngân hàng là 300.000.000 đồng.
6. Bổ sung vốn kinh doanh 100.000.000 đồng từ các cổ đông, đã nhập quỹ tiền mặt.
7. Mua sắm tài sản cố định trị giá 300.000.000 đồng bằng vay dài hạn ngân hàng.
8. Tặng vốn cổ đông bằng tiền mặt 150.000.000 đồng.
9. Xuất quỹ tiền mặt 100.000.000 đồng trả nợ người bán.
10. Rút tiền gửi ngân hàng trả nợ vay ngắn hạn 180.000.000 đồng.
11. Vay ngắn hạn ngân hàng trả nợ cho người bán là 100.000.000 đồng.
12. Chuyển trái phiếu ngắn hạn thành trái phiếu dài hạn 100.000.000 đồng.

**Yêu cầu :**

1. Phân tích tình hình biến động của tài sản và nguồn vốn tại doanh nghiệp sau mỗi nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

2. Lập bảng cân đối kế toán tại doanh nghiệp ngay sau mỗi thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

### **2.3.15 Bài tập số 15**

Giả sử công ty TNHH sản xuất, kinh doanh thương mại Quang Đại có các tài liệu được cho như sau : (Đơn vị tính : đồng) :

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ : 600.000.000 đồng.
2. Khoản giảm giá cho số sản phẩm đã bán : 5.000.000 đồng.
3. Hàng bán bị trả lại : 3.000.000 đồng.
4. Chiết khấu thương mại 12.000.000 đồng.
5. Giá xuất kho của hàng đã tiêu thụ : 150.000.000 đồng.
6. Chi phí bán hàng : 16.000.000 đồng, chi phí quản lý doanh nghiệp : 14.000.000 đồng.
7. Thuế xuất khẩu : 15.760.000 đồng.
8. Doanh thu hoạt động tài chính : 14.000.000 đồng, thu nhập khác : 8.000.000 đồng.
9. Chiết khấu thanh toán 10.000.000 đồng.
10. Chi phí tài chính : 12.000.000 đồng, chi phí khác : 8.000.000 đồng.
11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp 14.000.000 đồng.
12. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất 28%.

**Yêu cầu :**

Hãy lập bảng "Kết quả hoạt động kinh doanh" của công ty.

## **CHƯƠNG 3**

# **TÀI KHOẢN VÀ GHI SỔ KÉP**

### **3.1 NHỮNG NỘI DUNG CẦN NHỚ**

1. Tài khoản là một phương pháp kế toán dùng để phân loại các nghiệp vụ phát sinh theo nội dung kinh tế.
2. Tên tài khoản là tên của đối tượng kế toán mà tài khoản phản ánh. Tài khoản có hai bên : Bên trái tài khoản gọi là bên nợ và bên phải của tài khoản gọi là bên có. Tài khoản kế toán có 3 loại : Tài khoản tài sản, tài khoản nguồn vốn và tài khoản trung gian. Tài khoản trung gian bao gồm tài khoản doanh thu, tài khoản chi phí và tài khoản kết quả.
3. Kết cấu của tài khoản tài sản là số phát sinh ghi bên nợ, số phát sinh giảm ghi bên có, số dư ghi bên nợ. Kết cấu của tài khoản nguồn vốn là số phát sinh tăng ghi bên có, số phát sinh giảm ghi bên nợ, số dư ghi bên có.
4. Tài khoản trung gian là không có số dư. Kết cấu tài khoản doanh thu phát sinh tăng ghi bên có, phát sinh giảm ghi bên nợ. Kết cấu tài khoản chi phí phát sinh tăng ghi bên nợ, phát sinh giảm ghi bên có và kết cấu tài khoản kết quả có số phát sinh bên nợ là chi phí và lãi còn số phát sinh bên có là doanh thu và lỗ.
5. Định khoản giản đơn là định khoản chi liên quan đến hai tài khoản, một tài khoản ghi nợ và một tài khoản ghi có. Định

- khoản phức tạp là định khoản liên quan từ ba tài khoản trở lên. Định khoản phức tạp có thể là một tài khoản ghi nợ và nhiều tài khoản ghi có, hoặc một tài khoản ghi có và nhiều tài khoản ghi nợ, hoặc nhiều tài khoản ghi nợ và nhiều tài khoản ghi có nhưng trường hợp này hạn chế sử dụng.
6. Ghi sổ đơn là việc tiến hành ghi sổ một lần chỉ trên một tài khoản duy nhất, dù những tài khoản này có đối ứng với nhau, đây là cách ghi sổ thông thường mà một người bình thường, hoặc một người kinh doanh nhỏ vẫn hay dùng để kiểm soát tài sản của mình như tiền mặt, tiền gửi ngân hàng. Trong doanh nghiệp, ghi sổ đơn được áp dụng trong kế toán chi tiết và ghi sổ các tài khoản ngoài bảng cân đối kế toán theo quy định hiện hành.
  7. Ghi sổ kép là phương pháp kế toán bắt buộc sử dụng trong doanh nghiệp để phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo nội dung kinh tế và theo mối quan hệ khách quan giữa các đối tượng kế toán cụ thể.
  8. Kế toán tổng hợp là việc ghi chép số liệu của nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào các tài khoản kế toán cấp 1 có liên quan, để phản ánh và giám đốc một cách tổng quát từng loại tài sản, từng loại nguồn vốn, cũng như các đối tượng kế toán khác trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp.
  9. Kế toán chi tiết là việc phản ánh và giám đốc một cách chi tiết từng loại tài sản, từng loại nguồn vốn cũng như các đối tượng kế toán khác theo yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.
  10. Sự khác biệt giữa nhiệm vụ kế toán và nhiệm vụ của thuế là ở chỗ nhiệm vụ kế toán thực hiện đúng quy định của Luật và chuẩn mực kế toán nhằm trình bày một báo cáo tài chính hợp lý, còn nhiệm vụ của thuế là thực hiện theo đúng quy định của Luật thuế nhằm tạo ra nguồn thu căn bản cho ngân sách nhà nước và là công cụ điều tiết vĩ mô nền kinh tế.

## 3.2 BÀI TẬP ỨNG DỤNG

### 3.2.1 Bài tập số 01

Giả sử có một doanh nghiệp A mới thành lập với số vốn ban đầu là 600.000.000 đồng bằng tiền mặt. Khi được cấp giấy phép thành lập doanh nghiệp và với số vốn theo yêu cầu của luật pháp là 600.000.000 đồng.

Bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp A vào ngày thành lập :

Ngày 1/1/2008

Đơn vị tính : 1.000 đồng

Tài sản	Số tiền	Nguồn vốn	Số tiền
Tiền mặt	600.000	Vốn chủ sở hữu	600.000
Tổng tài sản	600.000	Tổng nguồn vốn	600.000

Giả sử trong tháng 1/2008 có một nghiệp vụ phát sinh như sau :

- 1) Doanh nghiệp này bắt đầu tiến hành mua một văn phòng công ty trị giá 500.000.000 đồng, thanh toán 20% bằng tiền mặt, số còn lại nợ chưa thanh toán.
- 2) Doanh nghiệp nhập kho 100.000.000 đồng hàng hóa thanh toán bằng tiền mặt.
- 3) Doanh nghiệp vay 200.000.000 đồng để thanh toán cho người bán.
- 4) Doanh nghiệp nộp 200.000.000 đồng tiền mặt vào ngân hàng.
- 5) Doanh nghiệp thanh toán cho người bán 100.000.000 đồng bằng tiền gửi ngân hàng.

**Yêu cầu :**

Hãy diễn giải, định khoản và phản ánh vào sơ đồ tài khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Lập bảng cân đối kế toán cuối kỳ.

**Lời giải đề nghị :** (đơn vị tính 1.000 đồng).

- 1) Doanh nghiệp này bắt đầu tiến hành mua một văn phòng công ty trị giá 500.000, thanh toán 20% bằng tiền mặt, số còn lại nợ chưa thanh toán.

*Giải thích :* Nghiệp vụ kinh tế phát sinh "mua một văn phòng công ty trị giá 500.000, thanh toán 20% bằng tiền mặt, số còn lại nợ chưa thanh toán" liên quan đến ba đối tượng kế toán.

- Văn phòng công ty (211) : Tài sản tăng 500.000. Ghi bên Nợ.
- Tiền mặt (111) : Tài sản giảm 100.000. Ghi bên Có.
- Phải trả cho người bán (331) : Nguồn vốn tăng 400.000. Ghi bên Có.

- 2) Doanh nghiệp nhập kho 100.000 hàng hóa thanh toán bằng tiền mặt.

*Giải thích :* Nghiệp vụ kinh tế phát sinh "mua 100.000 hàng hóa về nhập kho thanh toán bằng tiền mặt" liên quan đến hai đối tượng kế toán.

- Hàng hóa (156) : Tài sản tăng 100.000. Ghi bên Nợ.
- Tiền mặt (111) : Tài sản giảm 100.000. Ghi bên Có.

- 3) Doanh nghiệp vay 200.000 để thanh toán cho người bán.

*Giải thích :* Nghiệp vụ kinh tế phát sinh "vay 200.000 để thanh toán cho người bán" liên quan đến hai đối tượng kế toán.

- Vay ngân hàng (311) : Nguồn vốn tăng 100.000. Ghi bên Có.
- Nợ người bán (331) : Nguồn vốn giảm 100.000. Ghi bên Nợ.

- 4) Doanh nghiệp nộp 200.000 tiền mặt vào ngân hàng.



*Giải thích* : Nghiệp vụ kinh tế phát sinh "nộp 200.000 tiền mặt vào ngân hàng" liên quan đến hai đối tượng kế toán.

- Tiền mặt (111) : Tài sản giảm 200.000. Ghi bên Có.
- Tiền gửi ngân hàng (112) : Tài sản tăng 200.000. Ghi bên Nợ.

5) Doanh nghiệp thanh toán nợ phải trả cho người bán 100.000 bằng tiền gửi ngân hàng.

*Giải thích* : Nghiệp vụ kinh tế phát sinh "thanh toán cho người bán 100.000 bằng tiền gửi ngân hàng" liên quan đến hai đối tượng kế toán.

- Nợ người bán : Nguồn vốn giảm 100.000. Ghi bên Nợ.
- Tiền gửi ngân hàng : Tài sản giảm 100.000. Ghi bên Có.

Định khoản các nghiệp vụ phát sinh :

1) Doanh nghiệp này bắt đầu tiến hành mua một văn phòng công ty trị giá 500.000, thanh toán 20% bằng tiền mặt, số còn lại nợ chưa thanh toán :

1	Nợ	211		500.000
		Có	111	100.000
		Có	331	400.000

2) Doanh nghiệp nhập kho 100.000 hàng hóa thanh toán bằng tiền mặt :

2	Nợ	156		100.000
		Có	111	100.000

3) Doanh nghiệp vay 200.000 để thanh toán cho người bán :

3	Nợ	331		200.000
		Có	311	200.000

4) Doanh nghiệp nộp 200.000 tiền mặt vào ngân hàng :

4	Nợ	112	200.000
		Có 111	200.000

5) Doanh nghiệp thanh toán nợ phải trả cho người bán 100.000 bằng tiền gửi ngân hàng :

5	Nợ	331	100.000
		Có 112	100.000

Minh họa trên sơ đồ tài khoản chữ T như sau :

Tiền mặt (111)		Vay ngắn hạn (311)	
600.000	100.000 (1)		0
	100.000 (2)		200.000 (3)
	200.000 (4)		
0	400.000	0	200.000
200.000			200.000
Tiền gửi ngân hàng (112)		Phải trả người bán (331)	
0			0
(4) 200.000	100.000 (5)	(3) 200.000	400.000 (1)
		(5) 100.000	
200.000	100.000	300.000	400.000
100.000			100.000
Hàng hóa (156)		Vốn chủ sở hữu (411)	
0			600.000
(2) 100.000			
100.000	0	0	0
100.000			600.000

## TSCĐ (211)

0	
(1) 500.000	
500.000	0
500.000	

Ta sẽ có bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp A :

Ngày 31/1/200X

Đơn vị tính : 1.000 đồng

Tài sản	Số tiền	Nguồn vốn	Số tiền
Tiền mặt	200.000	Vay ngắn hạn	200.000
Tiền gửi ngân hàng	100.000	Phải trả người bán	100.000
Hàng tồn kho	100.000	Vốn chủ sở hữu	600.000
Văn phòng	500.000		
<b>Tổng tài sản</b>	<b>900.000</b>	<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>900.000</b>

### 3.2.2 Bài tập số 02

Tại công ty TNHH sản xuất, thương mại và kinh doanh xuất nhập khẩu, trong kỳ có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh như sau :

1. Doanh nghiệp rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt 10.000.000 đồng.
2. Doanh nghiệp được người mua trả nợ bằng tiền mặt 30.000.000 đồng.
3. Doanh nghiệp dùng tiền gửi ngân hàng trả nợ cho người bán 20.000.000 đồng.

4. Doanh nghiệp dùng tiền mặt trả nợ vay ngắn hạn ngân hàng 30.000.000 đồng.
5. Doanh nghiệp vay ngắn hạn ngân hàng 20.000.000 đồng để trả nợ cho người bán.
6. Doanh nghiệp mua một số nguyên vật liệu trị giá 25.000.000 đồng chưa trả tiền người bán.
7. Doanh nghiệp dùng tiền mặt mua một số công cụ trị giá 5.000.000 đồng.
8. Doanh nghiệp được cấp một tài sản cố định hữu hình trị giá 50.000.000 đồng.
9. Doanh nghiệp xuất nguyên liệu cho sản xuất sản phẩm trị giá 20.000.000 đồng.
10. Doanh nghiệp dùng lãi chưa phân phối bổ sung nguồn vốn kinh doanh 25.000.000 đồng.

**Yêu cầu :** Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

**Lời giải đề nghị :** (đơn vị tính đồng)

1. Doanh nghiệp rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt 10 triệu đồng :

1	Nợ	111	10.000.000	
		Có	112	10.000.000

2. Doanh nghiệp được người mua trả nợ bằng tiền mặt 30 triệu đồng :

2	Nợ	111	30.000.000	
		Có	131	30.000.000

3. Doanh nghiệp dùng tiền gửi ngân hàng trả nợ cho người bán 20 triệu đồng :

3	Nợ	331		20.000.000
		Có	112	20.000.000

4. Doanh nghiệp dùng tiền mặt trả nợ vay ngắn hạn ngân hàng 30 triệu đồng :

4	Nợ	311		30.000.000
		Có	111	30.000.000

5. Doanh nghiệp vay ngắn hạn ngân hàng 20 triệu đồng để trả nợ cho người bán :

5	Nợ	331		20.000.000
		Có	311	20.000.000

6. Doanh nghiệp mua một số nguyên vật liệu trị giá 25 triệu đồng chưa trả tiền người bán :

6	Nợ	152		25.000.000
		Có	331	25.000.000

7. Doanh nghiệp dùng tiền mặt mua một số công cụ trị giá 5 triệu đồng :

7	Nợ	153		5.000.000
		Có	111	5.000.000

8. Doanh nghiệp được cấp một tài sản cố định hữu hình trị giá 50 triệu đồng :

8	Nợ	211		50.000.000
		Có	411	50.000.000

9. Doanh nghiệp xuất nguyên liệu để sản xuất sản phẩm trị giá 20 triệu đồng :

9	Nợ	621		20.000.000
		Có	152	20.000.000

10. Doanh nghiệp dùng lãi chưa phân phối bổ sung nguồn vốn kinh doanh 25 triệu đồng.

10	Nợ	421		25.000.000
		Có	411	25.000.000

**3.2.3 Bài tập số 03**

Tại một doanh nghiệp sản xuất, vào ngày 31/12/2008 có các tài liệu sau : (Đơn vị tính : đồng).

1.	Vay ngắn hạn	NV		45.000.000
2.	Thành phẩm	TS		X
3.	Phương tiện vận tải	TS		200.000.000
4.	Máy móc thiết bị	TS		480.000.000
5.	Phải trả cho người bán	NV		10.000.000
6.	Nguồn vốn kinh doanh	NV		1.120.000.000
7.	Tiền gửi ngân hàng	TS		40.000.000
8.	Tạm ứng	TS		6.000.000
9.	Phải trả công nhân viên	NV		3.000.000
10.	Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	TS		3.000.000
11.	Sản phẩm dở dang	TS		54.000.000
12.	Kho tàng	TS		150.000.000
13.	Vật liệu phụ	TS		11.000.000
14.	Nhà xưởng	TS		Y
15.	Các khoản phải trả khác	NV		3.000.000
16.	Các loại công cụ - dụng cụ	TS		21.000.000
17.	Lãi chưa phân phối	NV		27.000.000



18. Hàng đang đi trên đường	12.000.000
19. Nguyên vật liệu chính	62.000.000
20. Phải thu của khách hàng	3.000.000
21. Tiền mặt	12.000.000
22. Nợ dài hạn	196.000.000

Trong tháng 1/2009, doanh nghiệp có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh như sau (đơn vị tính : đồng) :

1. Doanh nghiệp thu các khoản phải khách hàng bằng tiền mặt 1.000.000 đồng.
2. Doanh nghiệp dùng tiền gửi ngân hàng trả nợ người bán 5.000.000 đồng.
3. Doanh nghiệp dùng tiền mặt trả khoản phải trả khác 2.000.000 đồng.
4. Doanh nghiệp nhận một tài sản cố định hữu hình trị giá 15.000.000 đồng từ vốn của các cổ đông.

**Yêu cầu :**

1. Hãy phân biệt tài sản và nguồn vốn. Xác định X, Y biết rằng  $Y = 6X$ .
2. Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

**Lời giải đề nghị :** (đơn vị tính : đồng) :

TÀI SẢN		NỢ PHẢI TRẢ và VỐN CHỦ SỞ HỮU	
<b>TSLĐ và Đầu tư ngắn hạn</b>		<b>Nợ phải trả</b>	
Tiền mặt	12.000	Vay ngắn hạn	45.000
Tiền gửi ngân hàng	40.000	Phải trả cho người bán	10.000

Phải thu khách hàng	3.000	Phải trả công nhân viên	3.000
Tạm ứng	6.000	Phải trả khác	3.000
Ký quỹ ký cược ngắn hạn	3.000	Nợ dài hạn	196.000
Nguyên vật liệu chính	62.000		
Vật liệu phụ	11.000		
Công cụ dụng cụ	21.000		
Hàng đang đi trên đường	12.000		
Sản phẩm dở dang	54.000		
Thành phẩm	X		
<b>TSCĐ và Đầu tư dài hạn</b>		<b>Vốn chủ sở hữu</b>	
Máy móc thiết bị	480.000	Nguồn vốn kinh doanh	1.120.000
Kho tàng	150.000	Lãi chưa phân phối	27.000
Phương tiện vận tải	200.000		
Nhà xưởng	Y		
<b>Tổng Tài sản</b>	<b>X+Y+1.054.000</b>	<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>1.404.000</b>

1. Phân biệt tài sản và nguồn vốn :

Ta có :  $Y = 6X$

$$X + Y = 350.000$$

Giải hệ phương trình ta được :  $X = 50.000$  ;  $Y = 300.000$

2. Định khoản :

Doanh nghiệp thu các khoản phải khách hàng bằng tiền mặt 1.000 :

1 Nợ Tiền mặt (111) 1.000

Có Khoản phải thu khách hàng (131) 1.000

Doanh nghiệp dùng tiền gửi ngân hàng trả nợ người bán 5.000 :

2	Nợ	Phải trả người bán (331)	5.000
	Có	Tiền gửi ngân hàng (112)	5.000

Doanh nghiệp dùng tiền mặt trả khoản phải trả khác 2.000 :

3	Nợ	Khoản phải trả khác (338)	2.000
	Có	Tiền mặt (111)	2.000

Doanh nghiệp nhận một tài sản cố định hữu hình trị giá 15.000 từ vốn của các cổ đông :

4	Nợ	Tài sản cố định (211)	15.000
	Có	Nguồn vốn kinh doanh (411)	15.000

### 3.2.4 Bài tập số 04

Tình hình tài sản của một doanh nghiệp tính đến ngày 31/12/2007 được cho trong bảng cân đối kế toán như sau : (Đơn vị tính : ngàn đồng).

TÀI SẢN		NỢ PHẢI TRẢ và VỐN CHỦ SỞ HỮU	
Tiền mặt	80.000	Vay ngắn hạn	120.000
Phải thu khách hàng	120.000	Phải trả người bán	60.000
Hàng hóa tồn kho	600.000	Phải trả khác	20.000
MMTB, nhà xưởng	1.200.000	Nguồn vốn kinh doanh	1.800.000
<b>Tổng Tài sản</b>	<b>2.000.000</b>	<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>2.000.000</b>

Trong tháng 1/2008, tại doanh nghiệp có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh như sau (đơn vị tính : đồng) :

1. Khách hàng trả nợ cho doanh nghiệp bằng tiền mặt là 20.000.000 đồng.
2. Doanh nghiệp nhận vốn góp của của cổ đông bằng dây chuyền sản xuất trị giá 200.000.000 đồng.

3. Xuất kho hàng hóa gửi đi bán trị giá 100.000.000 đồng.
4. Nhập kho một công cụ, dụng cụ trị giá 10.000.000 đồng thanh toán bằng tiền mặt.
5. Chi tiền mặt 20.000.000 đồng để thanh toán khoản nợ người bán và 10.000.000 đồng thanh toán khoản nợ khác.
6. Chi 20.000.000 đồng tiền mặt thanh toán khoản vay ngắn hạn.

**Yêu cầu :**

1. Mở tài khoản và ghi số dư đầu kỳ vào các tài khoản.
2. Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và phản ánh vào các tài khoản tương ứng.
3. Lập bảng cân đối tài khoản cuối kỳ.
4. Lập bảng cân đối kế toán cuối kỳ.

**Lời giải đề nghị :** (đơn vị tính : 1.000 đồng).

1. Mở tài khoản và ghi số dư đầu kỳ vào các tài khoản. (Sơ đồ tài khoản).
2. Định khoản các nghiệp vụ phát sinh.

Khách hàng trả nợ cho doanh nghiệp bằng tiền mặt là 20.000 :

1	Nợ	Tiền mặt (111)	20.000
	Có	Khoản phải thu khách hàng (131)	20.000

Doanh nghiệp nhận vốn góp của của cổ đông bằng dây chuyền sản xuất trị giá 200.000 :

2	Nợ	Tài sản cố định (211)	200.000
	Có	Nguồn vốn kinh doanh (411)	200.000

Xuất kho hàng hóa gửi đi bán trị giá 100.000 :

3	Nợ	Hàng gửi đi bán (157)	100.000
	Có	Hàng hóa (156)	100.000

Nhập kho một công cụ, dụng cụ trị giá 10.000 thanh toán bằng tiền mặt :

4	Nợ	Công cụ, dụng cụ (153)	10.000
	Có	Tiền mặt (111)	10.000

Chi tiền mặt 20.000 để thanh toán khoản nợ người bán và 10.000 thanh toán khoản nợ khác :

5	Nợ	Phải trả cho người bán (331)	20.000
	Nợ	Phải trả khác (338)	10.000
	Có	Tiền mặt (111)	30.000

Chi 20.000 tiền mặt thanh toán khoản vay ngắn hạn :

6	Nợ	Vay ngắn hạn (311)	20.000
	Có	Tiền mặt (111)	20.000

Phản ánh vào sơ đồ tài khoản :

Tiền mặt (111)		Phải thu khách hàng (131)	
<u>80.000</u>		<u>120.000</u>	
(1) 20.000	10.000 (4)		20.000 (1)
	30.000 (5)		
	20.000 (6)		
20.000	60.000	0	20.000
<u>40.000</u>		<u>100.000</u>	

**Hàng hóa (156)**

<u>600.000</u>	
	100.000 (3)
0	100.000
<u>500.000</u>	

**Máy móc thiết bị (211)**

<u>1.200.000</u>	
(2) 200.000	
200.000	0
<u>1.400.000</u>	

**Hàng gửi bán (157)**

<u>0</u>	
(3) 100.000	
100.000	0
<u>100.000</u>	

**Công cụ, dụng cụ (153)**

<u>0</u>	
(4) 100.000	
100.000	0
<u>100.000</u>	

**Vay ngắn hạn (311)**

	<u>120.000</u>
(6) 20.000	
20.000	0
	<u>100.000</u>

**Phải trả người bán (331)**

	<u>60.000</u>
(5) 20.000	
20.000	0
	<u>40.000</u>

**Phải trả khác (338)**

	<u>20.000</u>
(5) 10.000	
10.000	0
	<u>10.000</u>

**Nguồn vốn kinh doanh (411)**

	<u>1.800.000</u>
	200.000 (2)
0	200.000
	<u>2.000.000</u>

3. Lập bảng cân đối tài khoản (đơn vị tính : 1.000 đồng) :

Tài khoản	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư cuối kỳ	
	Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
111	80.000		20.000	60.000	40.000	
131	120.000		0	20.000	100.000	
153	0		10.000	0	10.000	
156	600.000		0	100.000	500.000	
157	0		100.000	0	100.000	
211	1.200.000		200.000	0	1.400.000	
311		120.000	20.000	0		100.000
331		60.000	20.000	0		40.000
338		20.000	10.000	0		10.000
411		1.800.000	0	200.000		2.000.000
<b>Tổng</b>	<b>2.000.000</b>	<b>2.000.000</b>	<b>380.000</b>	<b>380.000</b>	<b>2.150.000</b>	<b>2.150.000</b>

4. Lập bảng cân đối kế toán cuối kỳ :

Tài sản	Số tiền	Nguồn vốn	Số tiền
Tiền mặt	40.000	Vay ngắn hạn	100.000
Phải thu khách hàng	100.000	Phải trả người bán	40.000
Công cụ dụng cụ	10.000	Phải trả khác	10.000
Hàng hóa	500.000	Nguồn vốn kinh doanh	2.000.000
Hàng gửi đi bán	100.000		
MMTB, Nhà xưởng	1.400.000		
<b>Tổng tài sản</b>	<b>2.150.000</b>	<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>2.150.000</b>



**3.2.5 Bài tập số 05**

Tình hình tài sản của doanh nghiệp Triều An tính đến ngày 31/12/2007 như sau : (Đơn vị tính : đồng).

1. Sản phẩm dở dang	200.000.000
2. Thành phẩm	600.000.000
3. Phải trả cho người bán	1.200.000.000
4. Phải trả công nhân viên	200.000.000
5. Phải trả khác	Y
6. Phương tiện vận tải	500.000.000
7. Lãi chưa phân phối	200.000.000
8. Vay ngắn hạn	1.600.000.000
9. Kho tàng	3.000.000.000
10. Tiền gửi ngân hàng	1.400.000.000
11. Phải thu khách hàng	800.000.000
12. Tạm ứng	200.000.000
13. Ký quỹ ký cược ngắn hạn	400.000.000
14. Nợ dài hạn	3.600.000.000
15. Máy móc thiết bị	2.800.000.000
16. Nguyên vật liệu chính	1.200.000.000
17. Tiền mặt	600.000.000
18. Nhà xưởng	700.000.000
19. Nguồn vốn kinh doanh	5.000.000.000
20. Công cụ dụng cụ	100.000.000
21. Hàng đang đi trên đường	300.000.000

Trong tháng 1/2008 doanh nghiệp có các nghiệp vụ kinh tế sau phát sinh :

1. Thu các khoản phải thu khách hàng bằng tiền mặt 100.000.000 đồng.
2. Dùng tiền gửi ngân hàng trả nợ vay dài hạn 600.000.000 đồng.
3. Dùng tiền gửi ngân hàng thanh toán khoản phải trả khác 200.000.000 đồng.
4. Nhận vốn góp cổ đông một máy móc thiết bị trị giá 150.000.000 đồng.
5. Mua một số nguyên vật liệu trị giá 30.000.000 đồng còn nợ người bán.
6. Rút tiền gửi ngân hàng nhập quỹ tiền mặt 50.000.000 đồng.
7. Dùng tiền mặt mua một số công cụ trị giá 10.000.000 đồng.
8. Được người mua trả nợ bằng tiền mặt 50.000.000 đồng, bằng tiền gửi ngân hàng 100.000.000 đồng.
9. Tài sản thừa chờ xử lý đã giải quyết tăng nguồn vốn kinh doanh 20.000.000 đồng.
10. Vay ngắn hạn ngân hàng trả nợ người bán 50.000.000 đồng.
11. Dùng lãi bổ sung nguồn vốn kinh doanh 100.000.000 đồng.
12. Người mua trả nợ 100.000.000 đồng, doanh nghiệp trả luôn nợ vay ngắn hạn ngân hàng.

***Yêu cầu :***

1. Tìm Y – Lập bảng cân đối kế toán đầu kỳ.
2. Mở tài khoản và ghi số dư đầu kỳ vào các tài khoản.
3. Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và phản ánh vào các tài khoản tương ứng.

4. Lập bảng cân đối tài khoản cuối kỳ.

5. Lập bảng cân đối kế toán cuối kỳ.

**Lời giải đề nghị :**

1. Lập bảng cân đối kế toán đầu kỳ (đơn vị tính : triệu đồng) :

<b>TÀI SẢN</b>		<b>NỢ PHẢI TRẢ và VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	
<b>TSLĐ và đầu tư ngắn hạn</b>	5.800	<b>Nợ phải trả</b>	7.600
Tiền mặt	600	Vay ngắn hạn	1.600
Tiền gửi ngân hàng	1.400	Phải trả cho người bán	1.200
Phải thu khách hàng	800	Phải trả công nhân viên	200
Tạm ứng	200	Phải trả khác	1.000
Ký quỹ ký cược ngắn hạn	400	Nợ dài hạn	3.600
Hàng đang đi trên đường	300		
Nguyên vật liệu	1.200		
Công cụ dụng cụ	100		
Sản phẩm dở dang	200		
Thành phẩm	600		
<b>TSCĐ và đầu tư dài hạn</b>	7.000	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	5.200
Máy móc thiết bị	2.800	Nguồn vốn kinh doanh	5.000
Kho tàng	3.000	Lãi chưa phân phối	200
Phương tiện vận tải	500		
Nhà xưởng	700		
<b>Tổng Tài sản</b>	<b>12.800</b>	<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>12.800</b>

$Y = 1.000$

2. Mở tài khoản và ghi số dư đầu kỳ vào các tài khoản. (Sơ đồ tài khoản).

3. Định khoản các nghiệp vụ phát sinh (đơn vị tính : triệu đồng).

Thu các khoản phải thu khách hàng bằng tiền mặt 100 triệu đồng :

1	Nợ	Tiền mặt (111)	100
	Có	Khoản phải thu khách hàng (131)	100

Dùng tiền gửi ngân hàng trả nợ dài hạn 600 triệu đồng :

2	Nợ	Nợ dài hạn (342)	600
	Có	Tiền gửi ngân hàng (112)	600

Dùng tiền gửi ngân hàng để thanh toán khoản phải trả khác 200 triệu đồng :

3	Nợ	Phải trả khác (338)	200
	Có	Tiền gửi ngân hàng (112)	200

Nhận vốn góp cổ đông một TSCĐ hữu hình trị giá 150 triệu đồng :

4	Nợ	Tài sản cố định (211)	150
	Có	Vốn góp của cổ đông (411)	150

Mua một số nguyên vật liệu trị giá 30 triệu đồng còn nợ người bán :

5	Nợ	Nguyên vật liệu (152)	30
	Có	Phải trả người bán (331)	30

Rút tiền gửi ngân hàng nhập quỹ tiền mặt 50 triệu đồng :

6	Nợ	Tiền mặt (111)	50
	Có	Tiền gửi ngân hàng (112)	50

Dùng tiền mặt mua một số công cụ trị giá 10 triệu đồng :

7	Nợ	Công cụ, dụng cụ (153)	10
	Có	Quỹ tiền mặt (111)	10

Được người mua trả nợ bằng tiền mặt 50 triệu đồng, bằng tiền gửi ngân hàng 100 triệu đồng :

8	Nợ	Tiền mặt (111)	50	
		Nợ	Tiền gửi ngân hàng (112)	100
	Có	Khoản phải thu khách hàng (131)	150	

Tài sản thừa chờ xử lý đã giải quyết tăng nguồn vốn kinh doanh 20 triệu đồng :

9	Nợ	Tài sản thừa chờ xử lý (3381)	20
	Có	Nguồn vốn kinh doanh (411)	20

Vay ngắn hạn ngân hàng trả nợ người bán 50 triệu đồng :

10	Nợ	Phải trả người bán (331)	50
	Có	Vay ngắn hạn (311)	50

Dùng lãi bổ sung nguồn vốn kinh doanh 100 triệu đồng :

11	Nợ	Lãi chưa phân phối (421)	100
	Có	Nguồn vốn kinh doanh (411)	100

Người mua trả nợ 100 triệu đồng, doanh nghiệp trả luôn nợ vay ngắn hạn :

12	Nợ	Nợ vay ngắn hạn ngân hàng (311)	100
	Có	Phải thu khách hàng (131)	100

Phản ánh vào sơ đồ tài khoản :

Tiền mặt (111)		Tiền gửi ngân hàng (112)	
<u>600</u>		<u>1.400</u>	
(1) 100	10 (7)		600 (2)
(6) 50			200 (3)
(8) 50		(8) 100	50 (6)
200	10	100	850
<u>790</u>		<u>650</u>	

## Phải thu khách hàng (131)

<u>800</u>	
	100 (1)
	150 (8)
	100 (12)
0	350
<u>450</u>	

## Tạm ứng (141)

<u>200</u>	
0	0
<u>200</u>	

## Ký quỹ ký cược ngắn hạn (144)

<u>400</u>	
0	0
<u>400</u>	

## Nguyên vật liệu (152)

<u>1.200</u>	
(5) 30	
30	0
<u>1.230</u>	

## Công cụ, dụng cụ (153)

<u>100</u>	
(7) 10	
10	0
<u>110</u>	

## Hàng đi trên đường (151)

<u>300</u>	
0	0
<u>300</u>	

## Chi phí sản xuất dở dang (154)

<u>200</u>	
0	0
<u>200</u>	

## Thành phẩm (155)

<u>600</u>	
0	0
<u>600</u>	

Tài sản cố định (211)	
<u>7.000</u>	
(4) 150	
150	0
<u>7.150</u>	

Vay ngắn hạn (311)	
	<u>1.600</u>
(12) 100	50 (10)
100	50
	<u>1.550</u>

Phải trả người bán (331)	
	<u>1.200</u>
(10) 50	30 (5)
50	30
	<u>1.180</u>

Phải trả công nhân viên (334)	
	<u>200</u>
0	0
	<u>200</u>

Phải trả khác (338)	
	<u>1.000</u>
(3) 200	
(9) 20	
220	0
	<u>780</u>

Nợ dài hạn (342)	
	<u>3.600</u>
(2) 600	
600	0
	<u>3.000</u>

Nguồn vốn kinh doanh (411)	
	<u>5.000</u>
	150 (4)
	20 (9)
	100 (11)
0	270
	<u>5.270</u>

Lãi chưa phân phối (421)	
	<u>200</u>
(11) 100	
100	0
	<u>100</u>



## 4. Lập bảng cân đối tài khoản (đơn vị tính : triệu đồng)

Tài khoản	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư cuối kỳ	
	Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
111	600		200	10	790	
112	1.400		100	850	650	
131	800		0	350	450	
141	200		0	0	200	
144	400		0	0	400	
151	300		0	0	300	
152	1.200		30	0	1.230	
153	100		0	0	110	
154	200		0	0	200	
155	600		0	0	600	
211	7.000		150	0	7.150	
311		1.600	100	50		1.550
331		1.200	50	30		1.180
334		200	0	0		200
338		1.000	220	0		780
342		3.600	600	0		3.000
411		5.000	0	270		5.270
421		200	100	0		100
<b>Tổng</b>	<b>12.800</b>	<b>12.800</b>	<b>1.560</b>	<b>1.560</b>	<b>12.080</b>	<b>12.080</b>

5. Lập bảng cân đối kế toán đầu kỳ (đơn vị tính : triệu đồng).

TÀI SẢN		NỢ PHẢI TRẢ và VỐN CHỦ SỞ HỮU	
<b>TSLĐ và đầu tư ngắn hạn</b>	4.930	<b>Nợ phải trả</b>	6.710
Tiền mặt	790	Vay ngắn hạn	1.550
Tiền gửi ngân hàng	650	Phải trả cho người bán	1.180
Phải thu khách hàng	450	Phải trả công nhân viên	200
Tạm ứng	200	Phải trả khác	780
Ký quỹ ký cược ngắn hạn	400	Nợ dài hạn	3.000
Hàng đang đi trên đường	300		
Nguyên vật liệu	1.230		
Công cụ dụng cụ	110		
Sản phẩm dở dang	200		
Thành phẩm	600		
<b>TSCĐ và đầu tư dài hạn</b>	7.150	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	5.370
Máy móc thiết bị	2.950	Nguồn vốn kinh doanh	5.270
Kho tàng	3.000	Lãi chưa phân phối	100
Phương tiện vận tải	500		
Nhà xưởng	700		
<b>Tổng Tài sản</b>	<b>12.080</b>	<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>12.080</b>

### 3.3 BÀI TẬP TỰ GIẢI

#### 3.3.1 Bài tập số 01

Sau đây là một số đối tượng kế toán được cho trong bảng sau :

<b>Đối tượng</b>	<b>Tài sản</b>	<b>Nguồn vốn</b>	<b>Doanh thu</b>	<b>Chi phí</b>
Tiền mặt				
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Tạm ứng				
Phải trả cho người lao động				
Nguyên vật liệu				
Chi phí bán hàng				
Chi phí tài chính				
Chi phí thuế thu nhập DN				
Tài sản cố định hữu hình				
Doanh thu hoạt động tài chính				
Hàng hóa				
Hàng mua đi trên đường				
Doanh thu bán hàng, dịch vụ				
Hàng gửi đi bán				
Tài sản cố định vô hình				
Chi phí sản xuất dở dang				
Công cụ, dụng cụ				
Đầu tư vào công ty liên kết				
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn				
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Giá vốn hàng bán				

Dự phòng trợ cấp mất việc làm				
Phải trả người bán				
Thành phẩm				
Vay ngắn hạn				
Hàng hóa kho bảo thuế				
Chi phí quản lý doanh nghiệp				
Bất động sản đầu tư				
Nguồn vốn kinh doanh				
Dự phòng phải trả				
Quỹ dự phòng tài chính				
Ký cược, ký quỹ dài hạn				
Nguồn vốn đầu tư XDCB				
Chiết khấu thương mại				
Quỹ khen thưởng phúc lợi				
Hàng bán bị trả lại				
Lãi chưa phân phối				
Chi phí sản xuất chung				
Phải trả phải nộp Nhà nước				
Chi phí nhân công trực tiếp				
Chi phí khác				
Giảm giá hàng bán				
Đầu tư vào công ty con				